

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

**Về quản lý tàu bay không người lái
và các phương tiện bay siêu nhẹ**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ; tổ chức hoạt động bay; cấp phép bay, điều hành bay cho máy bay không người lái, khí cầu bay không người điều khiển, mô hình bay, khí cầu có người điều khiển nhưng không cất cánh, hạ cánh từ các sân bay được mở cho hoạt động dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài ở Việt Nam (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, kinh doanh tàu bay không người lái và các loại phương tiện bay siêu nhẹ.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng tàu bay không người lái, khí cầu bay không người điều khiển, mô hình bay, khí cầu có người điều khiển để thực hiện các chuyến bay trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, thể thao, nghiên cứu khoa học.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, thực hiện thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, kinh doanh tàu bay không người lái và các loại phương tiện bay siêu nhẹ.

4. Đối với tàu bay không người lái, các loại phương tiện bay siêu nhẹ phục vụ cho nhiệm vụ an ninh, quốc phòng được áp dụng theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tàu bay không người lái là thiết bị bay mà việc điều khiển, duy trì hoạt động của chuyến bay không cần có sự tham gia điều khiển trực tiếp của phi công, tổ lái trên thiết bị bay đó.

2. Phương tiện bay siêu nhẹ, bao gồm các loại khí cầu và mô hình bay.

a) Khí cầu là khí cụ bay mà lực nâng được tạo bởi những chất khí chứa trong vỏ bọc của nó, chất khí này có khối lượng riêng nhỏ hơn không khí. Có hai loại khí cầu:

- Khí cầu bay có người điều khiển;

- Khí cầu bay không người điều khiển, bao gồm cả khí cầu bay tự do hoặc được điều khiển tự động hoặc được giữ buộc cố định tại một vị trí trên mặt đất.

b) Mô hình bay, bao gồm:

- Các loại tàu lượn được mô phỏng theo hình dáng, kiểu cách các loại máy bay, được gắn động cơ sử dụng nguồn năng lượng bằng pin hoặc nhiên liệu lỏng, rắn hoặc năng lượng mặt trời, được điều khiển bằng vô tuyến hoặc chương trình lập sẵn;

- Các loại dù bay và điều bay có hoặc không có người điều khiển, trừ các loại điều bay dân gian.

3. Phép bay là văn bản hoặc hiệu lệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xác định điều kiện và giới hạn được phép hoạt động của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ.

Điều 4. Nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, kinh doanh tàu bay không người lái và các loại phương tiện bay siêu nhẹ

1. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, thực hiện thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, kinh doanh các loại tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ chỉ được cấp phép sau khi đã có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

2. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, thực hiện thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, kinh doanh các loại tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ phải có công văn đề nghị Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chấp thuận trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương II **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BAY**

Điều 5. Quản lý điều hành, giám sát hoạt động bay

Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý điều hành, giám sát bay đối với tàu bay không người lái, khí cầu bay không người điều khiển, mô hình bay, khí cầu có người điều khiển nhưng không cất cánh, hạ cánh từ các sân bay được mở cho hoạt động dân dụng. Nội dung quản lý bay gồm:

1. Thiết lập, cấp phép, trả lời, thông báo khu vực được tổ chức hoạt động bay.
2. Chỉ định cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, giám sát các hoạt động bay.

Việc quy định cơ quan quản lý, điều hành và giám sát trực tiếp chuyến bay được xác định trong từng phép bay.

Điều 6. Thiết lập sân bay, khu vực hoạt động bay

Bộ Quốc phòng thiết lập sân bay, khu vực hoạt động bay, khu vực bay thử nghiệm cho tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ, bảo đảm đủ điều kiện bay, không ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng và an toàn hàng không.

Điều 7. Tổ chức Câu lạc bộ Hàng không

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo Quân chủng Phòng không - Không quân phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức các Câu lạc bộ Hàng không nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động bay siêu nhẹ phục vụ nhu cầu kinh tế, văn hoá, xã hội, thể thao và giáo dục quốc phòng.

2. Quy chế về tổ chức, quản lý hoạt động bay của các Câu lạc bộ Hàng không do Bộ Quốc phòng quy định, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh, quốc phòng và quản lý điều hành bay trong vùng trời Việt Nam.

Chương III **CẤP PHÉP BAY, ĐIỀU HÀNH BAY**

Điều 8. Thẩm quyền cấp phép, từ chối, đình chỉ hoạt động bay

1. Cục Tác chiến - Bộ Tạng tham m-u cấp phép, từ chối cấp phép cho các chuyến bay của tàu bay không người lái, các loại khí cầu bay không người điều khiển, các loại mô hình bay, các loại khí cầu có người điều khiển nhưng không cất, hạ cánh từ các sân bay được mở cho hoạt động dân dụng.

- Số địa chỉ liên lạc: số 1 Nguyễn Tri Phương, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- Số điện thoại liên hệ: 069 533200; 069 533105;

- Số fax: 04 7337994.

2. Trung tâm Quản lý điều hành bay Quốc gia, các Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân và Cơ quan Phòng không thuộc các quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phép yêu cầu đình chỉ hoạt động bay trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Điều 9. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp phép bay

1. Tổ chức, cá nhân khi tổ chức hoạt động bay phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép bay. Hồ sơ đề nghị cấp phép bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp phép bay (theo mẫu số 1/ĐNCPB kèm theo Nghị định này);

b) Tài liệu kỹ thuật về phương tiện bay, bao gồm ảnh chụp kiểu loại tàu bay hoặc phương tiện bay và bản thuyết minh tính năng kỹ thuật hàng không của loại tàu bay hoặc phương tiện bay đó (theo mẫu số 2/TLKTPTB);

c) Giấy phép hoặc giấy uỷ quyền hợp pháp cho phép tàu bay, phương tiện bay thực hiện cất cánh, hạ cánh tại sân bay, khu vực trên mặt đất, mặt nước;

d) Các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến tàu bay, phương tiện bay.

2. Chậm nhất 14 ngày, trước ngày dự kiến tổ chức thực hiện các chuyến bay, các tổ chức cá nhân nộp đơn đề nghị cấp phép bay đến Cục Tác chiến - Bộ Tạng tham m-u.

3. Chậm nhất 10 ngày, trước ngày dự kiến tổ chức thực hiện các chuyến bay, các tổ chức cá nhân nộp đơn đề nghị sửa đổi lại phép bay đến Cục Tác chiến - Bộ Tạng tham m-u.

4. Bộ Quốc phòng quy định việc tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn đề nghị cấp phép bay, sửa đổi phép bay của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm thuận tiện, nhanh chóng.

Điều 10. Nội dung phép bay

Nội dung của phép bay bao gồm:

1. Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của tổ chức, cá nhân được cấp phép bay.
2. Đặc điểm nhận dạng kiểu loại tàu bay, phương tiện bay (bao gồm cả phụ lục có ảnh chụp, thuyết minh tính năng kỹ thuật của tàu bay hoặc phương tiện bay).
3. Khu vực được tổ chức hoạt động bay, hướng bay, vệt bay.
4. Mục đích, thời hạn, thời gian được tổ chức bay.
5. Quy định về thông báo hiệp đồng bay; chỉ định cơ quan quản lý, giám sát hoặc điều hành bay.
6. Các giới hạn, quy định an ninh, quốc phòng khác.

Điều 11. Tổ chức thông báo hiệp đồng bay

1. Quân chủng Phòng không - Không quân ban hành các nội dung thực hiện công tác thông báo, dự báo bay và các quy định yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện đình chỉ bay.

2. Tổ chức, cá nhân khi tổ chức các chuyến bay cho tàu bay không người lái hoặc phương tiện bay siêu nhẹ phải thực hiện công tác thông báo, dự báo bay.

Tổ chức, cá nhân phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin trong công tác thông báo, dự báo bay.

3. Trung tâm Quản lý điều hành bay Quốc gia, các Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân là cơ quan tiếp nhận, quản lý thông tin cấp phép bay, dự báo, thông báo hiệp đồng bay.

Điều 12. Cơ quan quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay

1. Trung tâm Quản lý điều hành bay Quốc gia, các Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân là cơ quan quản lý điều hành chung các hoạt động của tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong vùng trời Việt Nam.

2. Cơ quan Phòng không thuộc các quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra khu vực hoạt động, việc chấp hành các quy định về tổ chức bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong vùng trời Việt Nam.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay:

a) Tổ chức thông báo hiệp đồng bay;

b) Ra lệnh đình chỉ bay nếu phát hiện tổ chức, cá nhân khai thác tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ vi phạm các giới hạn, quy định trong phép bay hoặc tổ chức hoạt động bay khi chưa được cấp phép;

c) Báo cáo cấp trên biện pháp xử lý và khắc phục những vi phạm về quản lý vùng trời, quản lý bay;

d) Phối hợp với cơ quan công an và chính quyền địa phương xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, an toàn hàng không.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi tổ chức hoạt động bay

1. Làm thủ tục xin phép bay trước khi tổ chức các hoạt động bay.

2. Thực hiện công tác dự báo, thông báo bay trước ngày bay theo quy định.

3. Nắm vững các quy định, nội dung của việc tổ chức, thực hiện hoạt động bay trong vùng trời Việt Nam.

4. Tuân thủ các quy định, điều kiện, giới hạn được nêu trong phép bay.

5. Chấp hành nghiêm hiệu lệnh đình chỉ bay và báo cáo kết quả về của cơ quan quản lý điều hành bay và giám sát các hoạt động bay quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

6. Chịu trách nhiệm bồi thường theo pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn hàng không, gây thiệt hại cho người, tài sản dưới mặt đất.

Điều 14. Nghiêm cấm các hành vi

1. Tổ chức các hoạt động bay khi chưa có phép bay.

2. Tổ chức hoạt động bay không đúng khu vực, điều kiện, giới hạn quy định. Vi phạm các quy định về quản lý lãnh thổ, biên giới quốc gia.

3. Mang chở các chất phóng xạ, chất cháy, chất nổ trên tàu bay hoặc phương tiện bay.

4. Phóng, bắn, thả từ trên không các loại vật, chất gây hại hoặc chứa đựng nguy cơ gây hại.

5. Lắp các thiết bị và thực hiện việc quay phim, chụp ảnh từ trên không khi không được phép.

6. Treo cờ, biểu ngữ, thả truyền đơn phát loa tuyên truyền ngoài quy định của cấp phép bay.

7. Không chấp hành các lệnh, hiệu lệnh của cơ quan quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay.

Điều 15. Thời gian cấp phép, từ chối hoạt động bay

1. Thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Tác chiến - Bộ Tæng tham m-u cấp phép tổ chức thực hiện các chuyến bay.

2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin sửa đổi phép bay đã cấp, Cục Tác chiến - Bộ Tæng tham m-u cấp phép điều chỉnh thực hiện các chuyến bay.

3. Cục Tác chiến - Bộ Tæng tham m-u từ chối cấp phép bay trong các trường hợp để bảo đảm an ninh, quốc phòng, an toàn hàng không và khi chưa được cung cấp đủ thông tin được quy định trong nội dung đơn đề nghị cấp phép bay. Việc từ chối cấp phép bay được trả lời bằng văn bản.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, thu hồi giấy phép hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội; Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b).M

(đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng